

Bản án số: **419/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 05 - 9 - 2019.

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Hồng Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Hiện.
2. Ông Trịnh Xuân Tùng.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1990/2019/ QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Đỗ Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: số nhà 84/1 ấp Quí Khương, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Chị Trần Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: số nhà 84/1 ấp Quí Khương, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Đ trình bày:***

Anh Đỗ Đ và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quới Điền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/9/2009. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, có được hai con chung là Đỗ Thanh Đ, sinh ngày 12/4/2010 và Đỗ Thanh L, sinh ngày 07/4/2014. Đến năm 2017 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và có một lần dẫn đến xô xát, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên không thể sống chung được nữa nên từ khoảng tháng 1/2018 anh đã bỏ ra ngoài sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn không thể sống chung được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Loan. Anh không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn; do các con chung đang sống với chị Loan nên anh đồng ý để cho chị Loan tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Thanh Đ, sinh ngày 12/4/2010 và Đỗ Thanh L, sinh ngày 07/4/2014. Anh thừa nhận hiện nay công việc chính hàng ngày của anh là hàn cửa sắt, lắp ráp nhà tiền chế, mỗi ngày thu nhập khoảng 200.000 đồng, bình quân mỗi tháng anh thu nhập từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung vì sau khi ly hôn nhà cửa, ruộng, vườn anh để lại cho chị Loan sử dụng, anh không có mang theo tài sản gì. Tuy tài sản trên là của cha, mẹ anh chưa chuyển quyền sử dụng cho anh và chị Loan nhưng thực tế từ trước đến nay anh và chị Loan vẫn sử dụng.

Về tài sản chung: Anh và chị Loan tự thỏa thuận , không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Anh và chị Loan không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

***Theo bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị L trình bày:***

Chị đồng ý với lời trình bày của anh Đ về điều kiện thành hôn và thời gian đăng ký kết hôn, về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của các con chung. Trước đây, sau khi cưới, chị và anh Đ sống chung rất hạnh phúc nhưng đến năm 2011 chị phát hiện anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có với nhau 01 đứa con riêng. Ngoài ra chị biết được anh Đ còn có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác nhưng chị vẫn tha thứ bỏ qua nhưng thời gian từ tháng 01/2019 đến nay anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác và họ thường xuyên qua lại với nhau trong nhà trọ, bỏ mẹ con chị đi luôn từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị nhưng nay theo yêu cầu ly hôn của

anh Đ thì chị không đồng ý vì hiện nay chị vẫn còn thương anh Đ, chị mong muốn anh Đ đoàn tụ để cùng lo cho con chung. Vào ngày 08/8/2019 chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh Đ nhưng về nhà suy nghĩ lại thấy rằng cần có thời gian để cho vợ chồng chị đoàn tụ nên chị không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ thì chị yêu cầu được nuôi hai con chung là Đỗ Thanh Đ, sinh ngày 12/4/2010 và Đỗ Thanh L, sinh ngày 07/4/2014. Chị yêu cầu anh Đinh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung cho đến khi con chung 18 tuổi. Chị thừa nhận hiện nay chị đang sử dụng khoảng 9.000 m<sup>2</sup> đất ruộng và vườn dừa nhưng tài sản này của cha mẹ anh Đ cho vợ chồng chị sử dụng chưa chuyển quyền sử dụng cho chị và anh Đ nên hiện tại chị và anh Đ không có tài sản gì đáng kể.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng chị không yêu cầu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:***

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Anh Đ, chị Loan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Đ với chị Trần Thị L. Anh Đ và chị Loan không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

Chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đỗ Thanh Đ, sinh ngày 12/4/2010 và Đỗ Thanh L, sinh ngày 07/4/2014. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000 đồng/1 con chung, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị Loan trình bày không yêu cầu

giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của Anh Đỗ Đ thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn chị Trần Thị L có nơi cư trú: Số nhà 84/1 ấp Quí Khương, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về hôn nhân: Anh Đỗ Đ và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc ép buộc. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Đ Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi cưới anh Đ và chị Loan có thời gian sống hạnh phúc không lâu thì chị Loan cho rằng anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, chị ghen tuông nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng vì thương chồng, con nên chị Loan đã tha thứ cho anh Đ và hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng thời gian từ tháng 01/2019 đến nay anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi luôn từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Loan không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ vì hiện nay chị vẫn còn thương yêu anh Đ, chị mong muốn anh Đ đoàn tụ để cùng lo cho con chung. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay anh Đ đã bỏ nhà đi, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc chị Loan, không cùng chị Loan chia sẻ, thực hiện công việc chung trong gia đình. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa anh Đ, chị Loan không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị Loan là có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Đ và chị Loan không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về con chung: Anh Đ, chị Loan có 02 con chung là Đỗ Thanh Đ, sinh ngày 12/4/2010 và Đỗ Thanh L, sinh ngày 07/4/2014. Chị Loan có yêu cầu

được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh Đinh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung cho đến khi con chung 18 tuổi. Xét thấy, từ lúc anh Đ và chị Loan sống ly thân cho đến nay, chị Loan là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Điền và cháu Lam. Mặt khác, cháu Điền có nguyện vọng muốn sống với chị Loan. Do đó, việc chị Loan có yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị Trần Thị L Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Điền và cháu Lam còn rất nhỏ, chị Loan phải ở nhà chăm sóc con chung, không có tài sản, việc làm để tạo ra thu nhập đủ lo cuộc sống của bản thân và lo cho hai con chung. Anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là không phù hợp với quy định của pháp luật, không phù hợp với đạo đức xã hội. Bởi lẽ, cháu Điền và cháu Lam là con chung của chị Loan và anh Đ, anh Đ phải gánh vác một phần nghĩa vụ cùng với chị Loan để giúp cho con chung phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó cần buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị Loan trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Anh Đ phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, 39 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đỗ Đ. Anh Đ được ly hôn với chị Trần Thị L. Anh Đ và chị Loan không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị Loan được trực tiếp nuôi con chung là cháu Đỗ Thanh Đ, sinh ngày 12/4/2010 ( Theo nguyện vọng của cháu Điền) và Đỗ Thanh L, sinh ngày 07/4/2014. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng là 1.000.000 đồng/1 con chung, cấp dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Cấp dưỡng lần đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Đ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở vì lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

**3. Về tài sản chung:** Anh Đ và chị Loan trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Anh Đ, chị Loan bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021674 ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/9/2019), đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân xã Quới Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
( Đã ký)**

**Đào Hồng Vân**